

Những kiến thức về ngữ âm tiếng Việt được trình bày trong công trình của Đoàn Thiện Thuật được áp dụng trong nghiên cứu bệnh học ngữ âm tiếng Việt (dạy trẻ em câm điếc, trẻ em sau phẫu thuật vòm họng, vòm hàm ếch tập phát âm; chẩn đoán, điều trị, đánh giá kết quả điều trị các bệnh tổn thương thực thể và chức năng thanh quản (voice disorder), phục hồi tiếng nói cho người mất thanh quản...).

iii. Xử lí lời nói tiếng Việt trong công nghệ thông tin

Sách NÂTV cung cấp những kiến thức cơ bản, cần thiết về ngữ âm tiếng Việt để giải quyết các vấn đề liên quan đến ngữ âm tiếng Việt trong công nghệ thông tin. Sách cung cấp các tri thức về cấu trúc âm tiết, hệ thống âm đầu, vần, thanh điệu tiếng Việt để người làm công nghệ giải các bài toán về tổng hợp, nhận dạng lời nói tiếng Việt, kiểm tra chính tả văn bản tiếng Việt. Mô hình 2 bậc cấu trúc âm tiết tiếng Việt do Đoàn Thiện Thuật đưa ra gợi ý cho 1 nhóm tác giả (khoa Công nghệ Thông tin, Đại học Bách khoa Hà Nội) xây dựng chương trình kiểm tra chính tả dựa trên luật cấu tạo âm tiết tiếng Việt.

3.2. Tác động về khoa học của công trình

Công trình NÂTV của GS. Đoàn Thiện Thuật có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển chuyên ngành ngôn ngữ học nói chung và ngữ âm học nói riêng ở nước ta. Ở Việt Nam, ngôn ngữ học lần đầu tiên được giảng dạy như một chuyên ngành khoa học trong các trường đại học vào những năm 1960-1970. GS. Đoàn Thiện Thuật là một trong những người đầu tiên tham gia xây dựng chuyên ngành ngôn ngữ học của trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (nay là Đại học Quốc gia Hà Nội). Sách NÂTV là một trong các công trình đặt nền móng cho việc giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ học (bao gồm ngữ âm học) nói chung và Việt ngữ học (bao gồm ngữ âm tiếng Việt) nói riêng.

TÁC GIẢ-TÁC PHẨM

DIỆP QUANG BAN VÀ CÂU TỒN TẠI

TRẦN ĐẠI NGHĨA

(TS, Viện Ngôn ngữ học)

1. Bạn đọc lưu ý cho: không có GS.TS trong tiêu đề bài. Ý của tiêu đề hàm là: Diệp Quang Ban và mối lương duyên với Câu tồn tại có sự tồn tại từ lâu trong quá khứ cách đây tới 30 năm rồi. Khi ấy ông chưa có hàm vị gì như bây giờ. Ấy là vào năm 1981, năm mà Diệp Quang Ban bảo vệ thành công luận án về câu tồn tại nhan đề “Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt ngày nay”. Và, tôi cho đến bây giờ vẫn còn giữ mãi ấn tượng khó phai mờ trước trí tuệ ngôn ngữ học Diệp Quang Ban ngày ấy.

2. Câu mang ý nghĩa tồn tại có mặt trong tất cả các ngôn ngữ. Ý nghĩa tồn tại được mã hoá trong một kiểu câu có cấu trúc đặc biệt riêng: CÂU TỒN TẠI.

Diệp Quang Ban đã thay mặt giới Việt ngữ học cú pháp Việt Nam đặt vấn đề rõ ràng về Câu tồn tại tiếng Việt.

3. Có hay không trong tiếng Việt câu tồn tại - với tư cách một kiểu câu? Khuôn hình của kiểu câu đó là thế nào? V.v. và v.v.

Những câu hỏi như vậy - nhất là ở cái thời Việt ngữ học ngày ấy - thì định ngữ “HÓC BÚA” viết hoa này đặt vào sau các câu hỏi ấy thật là đắc dụng đắc địa.

4. Nhà khoa học TRẺ khi ấy, đã tự mình “hứng” lấy cái HÓC BÚA đó. Ý tôi muốn ngụ vào chữ “HỨNG” này một niềm phấn khích đặc trưng kèm một tiếng “hừ” cảnh báo trước một thách thức...Quả nhiên, toàn văn luận án ấy đã vang dậy một giọng hào thực Diệp Quang Ban.

Cái hào thực của Luận án bộc lộ rõ cho thấy một nhà khoa học dày dặn bản lĩnh: bản lĩnh tiếng Việt - tiếng mẹ đẻ và bản lĩnh ngoại ngữ. Ngoại ngữ khi ấy thịnh hành là tiếng Nga. Diệp Quang Ban viết:

“Tuy nhiên không phải mọi động từ mà thành tố nghĩa “tạo ra vật” đều không thể là động từ lưu kết quả. Đó là trường hợp của động từ “làm” trong câu sau đây:

Nhà làm giữa vườn

Làm nhà vừa tạo ra cái nhà vừa là *đặt* cái nhà vào một trạng thái tĩnh tại, trong một tư thế và ở một nơi nhất định. Cho nên không phải ngẫu nhiên mà từ *làm* trong câu trên có thể dịch một cách tương đương bằng *CroutB* (đứng) trong tiếng Nga chẳng hạn. *Làm* đối với nhà trong câu trên cũng chỉ là một thứ trạng thái tĩnh tại và một tư thế mà thôi” (Bản thảo luận án, tr.162).

5. Dưới đây là bản lĩnh tiếng mẹ đẻ của tác giả, mà bất cứ một nhà Việt ngữ - từ điển học nào cũng khó cưỡng nổi lòng khâm phục:

“Tồn tại những động từ vừa có tính chất hành động lại vừa có tính chất trạng thái tĩnh tại. Chẳng hạn như động từ *ngã* vừa được dùng để chỉ cái “hành động” làm thay đổi trạng thái của vật thể, từ trạng thái “đứng” thành trạng thái “nằm”. Đồng thời, *ngã* cũng được dùng để chỉ cái trạng thái “nằm” vốn là kết quả của hành động vừa qua. Cho nên câu “Nó ngã kia” vừa có thể chỉ cái “hành động” xảy ra trước khi nó “nằm” trên mặt đất, đồng thời cũng có thể dùng để chỉ cái trạng thái tĩnh tại là kết quả của “hành động” kia. Do vậy có thể xảy ra tình trạng có người *ngã* như một hành động mà không *ngã* như một trạng thái tĩnh tại. Tình trạng này thường được biểu đạt bằng tổ hợp từ *suýt ngã* (Tất nhiên *suýt ngã* còn có nghĩa ngã – hành động mới ở tư thế khả năng chứ không nhất thiết là đang xảy ra mà chưa kết thúc). Như vậy *ngã* trong *suýt ngã* bao giờ cũng là *ngã* chỉ hành động. Cũng vậy, trong câu: “Nó ngã rồi”, *ngã* cũng chỉ cái hành động làm thay đổi trạng thái đã kết thúc. Trong khi đó, “Nó ngã đã 15 phút rồi mà chưa có ai đỡ dậy” lại chủ yếu chỉ cái trạng thái tĩnh tại vốn là kết quả của ngã – hành động” (Bản thảo luận án, tr.156-157).

6. Cuốn sách “*Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt*” do Nxb Giáo dục ấn hành năm 1998 có thể nói là gần y hệt nội dung luận án phó tiến sĩ ngữ văn bảo vệ năm 1981 của tác giả. Chính trào lưu đi sâu vào mặt ngữ nghĩa và mặt sử dụng trong nghiên cứu ngôn ngữ đã tạo cho nội dung của luận án Diệp Quang Ban có cơ hội xuất hiện ra trước đông đảo bạn đọc Việt Nam.

Một cuốn sách quý giá không chỉ đối với các nhà ngữ pháp Việt ngữ trẻ tuổi ngày nay, mà còn đối với hết thảy những nghiên cứu tiếng Việt.

7. Đóng góp to lớn nhất trong công trình Câu tồn tại của Diệp Quang Ban là ở sự chuyển hướng lí luận cơ bản mang tính lịch sử trong ngữ pháp học Việt Nam.

Bằng sự đi đời xuất phát điểm lí luận đầy thức tỉnh và cập thời, Diệp Quang Ban đã mạnh dạn khước từ điểm xuất phát mang tính áp đảo chuẩn mực đối với giới Việt ngữ học thời ấy của ngữ pháp thành phần câu truyền thống lâu đời (chủ ngữ-vị ngữ). Ông đã bước hẳn sang một điểm xuất phát mới:

“Xuất phát từ sự phân biệt phạm trù logic *vật thể-không gian* với phạm trù *sự kiện-thời gian*, chúng tôi tách ra mảng câu mang ý nghĩa tồn tại nói về sự tồn tại của vật thể trong không gian” (Sdd, tr.162).

Sự xuất phát ấy có thể gọi là “Bước chọn đường”. Song “chọn đúng đường đi” chưa hẳn đã đúng được “nước đi”. Đáng khâm phục Diệp Quang Ban đã có những “nước đi” được quy trình hoá với những không chế nghiêm ngặt mà trong đó nếu để ý kĩ càng ta thấy Ông có một sự kết hợp tinh vi khéo léo giữa ngữ pháp truyền thống thành phần câu với xu hướng nghĩa học - ngữ pháp trong ngôn ngữ học đương thời hồi ấy trên thế giới.

Sau đây là các “nước đi” của Ông:

- “Tách ý nghĩa tồn tại ra làm hai căn cứ vào tính chất trừu tượng, ta có *sự tồn tại trên thực tế* và *sự tồn tại tại một vị trí không gian nhất định*”.

- “Căn cứ vào việc trong câu mang ý nghĩa tồn tại có chủ ngữ ngữ pháp hay không, ta có thể chia câu mang ý nghĩa tồn tại thành hai loại lớn: Câu nêu thuộc tính tồn tại (không có chủ ngữ ngữ pháp) và câu nêu đặc trưng tồn tại (có chủ ngữ ngữ pháp). Câu nêu đặc trưng tồn tại là câu có khuôn hình chủ ngữ - vị ngữ. Trong đó câu không có yếu tố chỉ vị trí đi kèm sẽ là *câu hiện diện*, câu có yếu tố vị trí đi kèm sẽ là *câu định vị*. Hai kiểu câu nhỏ này bao giờ cũng chỉ dùng những từ chuyên dùng với ý nghĩa tồn tại vào vị trí vị ngữ” v.v.

- “Hai kiểu câu hiện diện và câu định vị là những *câu mang ý nghĩa tồn tại không đích thực*. *Câu mang ý nghĩa tồn tại đích thực* là câu mang ý nghĩa tồn tại như một thuộc tính của vật thể, trong đó không có chủ ngữ đứng trước”.

Và dưới đây là bước quyết định làm xuất hiện CÂU TỒN TẠI in hoa Diệp Quang Ban:

• “Loại này cũng có thể chia thành hai kiểu nhỏ căn cứ vào sự có mặt hay vắng mặt yếu tố chỉ vị trí. Chúng ta sẽ có *câu tồn tại khái quát* khi không có yếu tố chỉ vị trí đi kèm. Khi có yếu tố này, trước mặt chúng ta là Câu tồn tại có yếu tố vị trí hay là **CÂU TỒN TẠI**” (Sđd, tr.162).

8. Câu tồn tại (in hoa) là một đóng góp thuật ngữ học Việt ngữ học của Diệp Quang Ban cho ngôn ngữ học Việt Nam (sự đóng góp thuật ngữ kiểu như thế là niềm mong ước của bất kì nhà khoa học nào). Khuôn hình chuyên dùng cho câu tồn tại là như sau:

“Giới từ + danh từ chỉ vị trí-động từ-danh từ”

9. Song người đọc cần đặc biệt ghi nhớ sự nhấn mạnh dưới đây của Diệp Quang Ban:

“Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng khuôn hình câu nói chung chỉ có thể có ý nghĩa ngữ pháp trong mối liên hệ với từ vựng lấp đầy chúng. Ý nghĩa ngữ pháp khái quát của khuôn hình vẫn còn xa rời nội dung của lớp từ vựng lấp đầy khuôn hình bao nhiêu thì giá trị giải thích câu càng ít bấy nhiêu” (Sđd, tr.165).

Lời nhấn mạnh ấy, không gì khác hơn tỏ rõ rằng tác giả thật sự am hiểu sâu sắc tiếng Việt mẹ đẻ của mình.

Quả nhiên, chẳng hạn thậm chí khuôn hình câu:

“Giới từ + danh từ chỉ vị trí tồn tại-động từ-danh từ chủ thể tồn tại” cũng chưa giúp ta tách được câu tồn tại ra khỏi câu sở hữu. Điều đó chứng tỏ rằng việc nghiên cứu câu theo quan điểm cấu trúc (đặc biệt là đối với tiếng Việt) nếu chỉ dừng lại ở khuôn hình bề mặt với những thuật ngữ về thành phần câu, hoặc xa hơn nữa, với những thuật ngữ về từ loại, chưa giúp chúng ta phân biệt được những kiểu câu có thực chất khác xa nhau.

Hãy theo dõi Phép phân tích Diệp Quang Ban như dưới đây:

(xem tiếp trang 43)

Thể lệ gửi bài đăng trên tạp chí NN & ĐS

1. Bài viết tối đa khoảng 4000 chữ, in trên giấy khổ A4 một mặt, phông chữ **Times New Roman, co chữ 12**, gửi qua email: ngonngudoisong@yahoo.com.vn.
2. Là bài mới, không gửi đồng thời những nơi khác.
3. Nếu là bài nghiên cứu, phải theo quy định cách trình bày một công trình khoa học của Bộ Giáo dục - Đào tạo (như **Tên bài và tóm tắt nội dung được dịch sang tiếng Anh; Có phần lịch sử vấn đề; Có tài liệu tham khảo**,...).
4. Trong bài, nếu có chữ nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật...) đề nghị in nguyên dạng.
5. Ghi rõ nơi công tác, địa chỉ cơ quan và số điện thoại, email, số tài khoản cá nhân để tiện liên hệ.
6. Bài không được đăng, Toà soạn không gửi lại bản thảo.
7. Nếu tác giả là người sống ở Hà Nội, xin liên hệ trực tiếp với Toà soạn để trao đổi về bài vở.

NN & ĐS

HỘP THU

Còn non, còn nước, còn người, /Thắng giặc Mĩ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.

Mỗi lần nhắc lại câu thơ trên, người đọc có thể liên tưởng đến hai câu Kiều:

Còn non, còn nước, còn dài, / Còn về còn nhớ đến người hôm nay.

Không chỉ dừng lại ở địa hạt văn thơ, *Truyện Kiều* còn được khẳng định giá trị trong quan hệ rộng rãi về văn hóa, vượt ra ngoài ranh giới dân tộc, cho nên tổ chức UNESCO đã tôn vinh: *Nguyễn Du – danh nhân văn hóa nhân loại* (1965).

Nổi bật hơn, *Truyện Kiều* còn tỏa sáng giữa đời sống ngoại giao hiện đại. Chúng có là năm 2000, Tổng thống Hoa Kỳ B. Clinton trong đáp từ chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tại Hà Nội đã “vận Kiều” khá tế nhị:

“Nhân dân Hoa Kỳ vui mừng vì đã đến lúc chúng ta có thể trở thành đối tác. Như trong *Truyện Kiều* đã nói:

- *Sen tàn cúc lại nở hoa, / Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân*

Nay kỷ ước bằng giá về quá khứ đã bắt đầu tan. Những phách thảo của một tương lai ảm áp chung đã bắt đầu hình thành. Cùng nhau chúng ta hãy tận hưởng mùa xuân ảm áp này” (báo Nhân Dân 18-11-2000).

Đáng chú ý là trước đó 30 năm, sau cuộc *Tổng tấn công và nổi dậy Mậu Thân* (1968) phía Hoa Kỳ có tìm thấy cuốn *Truyện Kiều* cũ kĩ, nhàu nát trong túi áo của một tử thi - chiến sĩ giải phóng quân trẻ ra trận; thế là tạp chí *Washingtonian* số tháng 4 của Mĩ đã đăng bài viết hai trang về *Truyện Kiều* với nhan đề hấp dẫn: “*Một tài liệu li kì vừa bắt được tiết lộ tình thần của địch*”, kèm bức minh họa ảnh Tổng thống Johnson, với lời chú thích:

“*Giá như Tổng thống Johnson đã đọc *Truyện Kiều* thì chắc đã không phải lâm vào tình trạng rắc rối như ngày nay*” (1).

Hơn 40 năm đã trôi qua, song xem lại lời bình giản dị ấy, người đọc vẫn cảm thấy hợp lí và khoa học. Bởi lẽ dân tộc Việt đã có một nền văn hóa lâu đời hàng ngàn năm đủ sức chống trả trước mọi thế lực phi nghĩa.

Trên đất Pháp, người ta không chỉ dễ dàng tìm đọc nhiều *bản Kiều* đã được dịch ra tiếng Pháp, mà còn thấy trong cuốn *Từ điển các tác phẩm của mọi thời đại và mọi xứ sở* (*Dictionnaire des oeuvres de tous les temps et de tous les pays* - Société d'édition

de dictionnaires et encyclopédie-Paris-1953), *Truyện Kiều* được giới thiệu trân trọng và chi tiết:

“*Dựa theo cốt truyện của một tiểu thuyết Trung Hoa, nhưng với thiên tài nghệ thuật kì diệu và ngôn từ xuất chúng, Nguyễn Du đã biến cải hoàn toàn tác phẩm gốc và tái tạo một tác phẩm khác với một tinh thần mới, một bản sắc riêng... Ở thời kì, mà người Việt đang thoát dần ra khỏi sự lệ thuộc về văn tự viết bằng chữ Hán để trở về với tiếng mẹ đẻ thì công lao vĩ đại của Nguyễn Du là ông đã biết phát huy nghệ thuật chỉ riêng ông có, khiến cho ngôn ngữ dân tộc đã phong phú giàu chất nhạc, được nâng lên tới đỉnh của nghệ thuật, mà trước đó và cả đến hôm nay, chưa có tác giả nào vươn tới được*” (2).

Năm 1966, tại khu sơ tán Thái Nguyên, giáo sư Hoàng Xuân Nhị đã hoàn thành vở kịch mang tên *Kiều*. Tuy đang ở thời chiến, nhưng cũng vào năm ấy, lớp sinh viên văn khóa Tám đã công diễn vở *Kiều*, do Hoàng Chương làm đạo diễn.

Gần nhất, năm 2010, tại thành phố Hồ Chí Minh, nữ đạo diễn Hoa Hạ đã dựng vở cải lương *Thúy Kiều*, được công diễn suốt bốn giờ liền tại nhà hát Trần Hữu Trang. Và nhạc sĩ Phạm Duy cũng từng dành nhiều công sức viết bản nhạc dang dở về *Truyện Kiều*.

Và bây giờ đây, ngày 3 tháng 11 năm 2011, *Hội Kiều học* - *Hội của những người yêu thích Truyện Kiều* - đã được thành lập tại Hà Nội, bước đầu đã có trên 300 hội viên từ Nam chí Bắc cùng một số Việt kiều và cả người nước ngoài cũng tình nguyện gia nhập Hội. Điều đó chứng tỏ sức sống dài lâu của truyện thơ bất hủ này trong lòng nhân dân.

1+2, dẫn theo Phan Tử Phùng - *Kiều học*-NXB Thanh Hóa. 2011-tr.10- 21.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 28-02-2012)

DIỆP QUANG BAN VÀ CÂU TỒN TẠI

(tiếp theo trang 48)

- (a) Tranh treo rồi.
- (b) Bức tranh treo trên tường.
- (c) Trên tường treo bức tranh.

Câu (a) nói rằng động tác “treo” đã được thực hiện và trạng thái “treo” đã hình thành đối với bức tranh. Câu (b) cho biết bức tranh đang *nhận* cái trạng thái “treo” làm đặc trưng của mình. Câu (c) mang rõ ý nghĩa về trạng thái tồn tại của bức tranh ở một vị trí không gian và

trong một tư thế nhất định. Nếu phải đặt câu hỏi cho các câu trên thì chúng ta có thể có các loại câu hỏi sau đây:

(a') Tranh treo chưa?

(b') Bức tranh treo ở đâu?

(c') Trên tường treo cái gì

Câu (a') hỏi về sự hoàn thành hay chưa hoàn thành của cái hành động tạo nên trạng thái mới cho bức tranh, hay trạng thái mới của bức tranh đã được tạo ra chưa (do kết quả của hành động). Câu (b') hỏi về vị trí của trạng thái mới mà bức tranh đã nhận được sau khi hành động kết thúc. Câu (c') hỏi về sự tồn tại một tư thế của một chủ thể chưa biết ở trên tường. Ba câu hỏi có nội dung ngữ pháp hoàn toàn khác nhau chứng tỏ trong chúng không có câu nào có ý nghĩa ngữ pháp hoàn toàn giống câu nào, và việc sử dụng chúng, nói chung, có khác nhau (Sđd, tr.140-141).

11. Công trình “Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt” có giá trị to lớn không chỉ bó hẹp trong phạm vi ngôn ngữ học tiếng Việt. Công trình cũng không chỉ

TÁC GIẢ-TÁC PHẨM

làm vẻ vang cho tác giả Diệp Quang Ban. Nó là niềm tự hào của giới Việt ngữ học nói chung - nhất là cho giới Việt ngữ học những năm tháng đầy gian khổ của suốt cả một thời 30 năm đã qua.

12. Để kết thúc bài viết này và để tỏ rõ lòng kính trọng Ông cả về sự khiêm nhường, tôi xin dẫn ra đây những dòng kết thúc trong cuốn sách Diệp Quang Ban:

“Chuyên luận này chỉ là những bước đi dò dẫm ban đầu trên con đường dài dang dở đó. Chúng tôi không quan niệm công cuộc khảo sát này như một sự kiện làm rút ngắn khoảng cách ấy một cách đáng kể. Tuy nhiên, “điều quan trọng không phải là ở khoảng cách sẽ phải vượt qua, mà đúng hơn là việc lựa chọn một hướng đi đúng” (Sđd, tr.168).

13. GS.TS Diệp Quang Ban về sau còn cho xuất bản nhiều công trình khác nữa, nhưng chỉ với công trình được Giải thưởng Nhà nước đợt 2010 này, Ông đã xứng đáng là nhà khoa học đầy kiêu hãnh của suốt một chuỗi ngày đầy gian khổ của 30 năm đã qua.

VỀ TÁC PHẨM “NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT”

CỦA GS. ĐOÀN THIỆN THUẬT

(công trình khoa học được nhận Giải thưởng Nhà nước năm 2010)

Nguyễn Văn Lợi

(GS.TS, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam)

LTS. GS.TS Đoàn Thiện Thuật được nhận Giải thưởng Nhà nước về khoa học công nghệ 2010 về Ngôn ngữ học. GS.TS Nguyễn Văn Lợi viết bài này để giới thiệu công trình của GS.TS Đoàn Thiện Thuật cho Hội đồng Nhà nước cấp Liên ngành. Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống trân trọng giới thiệu bài viết này cùng độc giả.

1. Sách **Ngữ âm tiếng Việt** (NÁTV) của tác giả Đoàn Thiện Thuật (Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977) dày 373 trang, chia thành 8 chương. Ngoài chương 1: Dẫn luận, chương 8: Chữ viết, 6 chương còn lại dành cho việc miêu tả cấu trúc âm vị học của tiếng Việt: Âm tiết (chương 2); Thanh điệu (chương 3); Âm đầu (chương 4); Âm đệm (chương 5); Âm chính (chương 6); Âm cuối (chương 7).

Trong Lời nói đầu, tác giả xem sách NÁTV là “tập giáo trình dành cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ học của trường Đại học Tổng hợp và cũng là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên khoa Văn các trường Đại học Sư phạm, sinh viên các trường Đại học Ngoại ngữ và những ai muốn tìm hiểu sâu một vấn đề nào đó của ngữ âm tiếng Việt”. Chúng ta nhận ra tính chất giáo khoa, sư phạm của sách được thể hiện ở lối lập luận logic, chặt chẽ, ở cách trình bày chi tiết đến “chín chu” và thuyết phục trong sách. Về thực chất, NÁTV là một công trình nghiên cứu khoa học có những đóng góp mới cho lý luận và áp dụng thực tiễn về ngữ âm tiếng Việt.

2. Giá trị khoa học của NÁTV

2.1. Công trình NÁTV đã áp dụng một cách khoa học những cơ sở lý thuyết và phương pháp miêu tả ngữ âm - âm vị học của âm vị học truyền thống (N.S. Trubeskoj, R. Jakobson, A. Martinet, J Vachek...) vào việc miêu tả các hiện tượng ngữ âm - âm vị học tiếng Việt, vốn là ngôn ngữ còn xa lạ với truyền thống nghiên cứu âm vị học châu Âu. Đồng thời, NÁTV đã tiếp thu những thành tựu về lý luận và phương pháp nghiên cứu